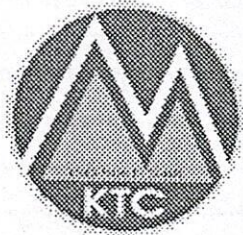


ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Địa chỉ: Số 06 Nguyễn Công Trứ - Vĩnh Thanh - Rạch Giá - Kiên Giang

Điện thoại: (077) 3860 022 - Fax: (077) 3862 687



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU RA CÔNG CHỨNG

CÔNG TY TNHH MTV

DU LỊCH THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG

Để đảm bảo quyền lợi của các nhà đầu tư, Ban đấu giá bán cổ phần Công ty TNHH MTV Du lịch Thương mại Kiên Giang khuyến cáo các nhà đầu tư tiềm năng nên tham khảo tài liệu này trước khi quyết định đăng ký tham dự đấu giá.



TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐẤU GIÁ

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HCM

Địa chỉ: 16 Võ Văn Kiệt, Q.1, Tp.HCM

Website: www.hsx.vn



TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT

Địa chỉ: 8 Lê Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 233 Đồng Khởi, Quận 1, Tp. HCM

Website: www.bvsc.com.vn

Kiên Giang, tháng 02 năm 2017





MỤC LỤC

PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ	4
1. Căn cứ pháp lý của đợt chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng của Công Ty TNHH MTV Du lịch - Thương mại Kiên Giang.....	4
2. Những người chịu trách nhiệm chính đối với Bản công bố thông tin:.....	5
2.1. Ban chỉ đạo cổ phần hoá.....	5
2.2. Tổ chức phát hành.....	5
3. Các thuật ngữ viết tắt.....	6
PHẦN II: TÌNH HÌNH VỀ DOANH NGHIỆP TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA	8
1. Giới thiệu về Công ty.....	8
2. Ngành nghề kinh doanh.....	8
3. Quá trình hình thành và phát triển.....	12
4. Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu.....	13
5. Cơ cấu tổ chức và lao động.....	13
6. Giá trị doanh nghiệp tại thời điểm cổ phần hóa.....	16
7. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp.....	18
8. Danh sách Công ty mẹ, Công ty con và Công ty liên kết của tổ chức phát hành.....	26
9. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong từ năm 2013 đến khi cổ phần hóa.....	27
10. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	33
PHẦN III: THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HÓA	35
1. Giới thiệu về doanh nghiệp sau cổ phần hóa.....	35
2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh trong 3 năm liền kể sau khi cổ phần hóa.....	36
3. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ.....	38
4. Rủi ro dự kiến.....	39
PHẦN IV: THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN	41
1. Phương thức bán và thanh toán tiền mua cổ phần.....	41
2. Kế hoạch sử dụng tiền thu từ cổ phần hoá.....	46
3. Kết luận.....	47



CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH - THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1700523208 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp lần đầu ngày 30/06/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 28/02/2015)

CHÀO BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU RA CÔNG CHỨNG

Tên cổ phần:	CỔ PHẦN CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH - THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG
Loại cổ phần chào bán:	Cổ phần phổ thông
Mệnh giá:	10.000 đồng /1 cổ phần
Giá khởi điểm:	10.200 đồng/cổ phần
Số lượng cổ phần bán đấu giá:	5.205.913 cổ phần
Đặt cọc:	10% giá trị tổng số cổ phần đăng ký mua tính theo giá khởi điểm.
Phương thức chào bán:	Đấu giá công khai tại Sở giao dịch chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh.
Đối tượng tham gia:	Các tổ chức, cá nhân đáp ứng điều kiện theo quy định tại Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chứng của Công ty TNHH MTV Du lịch - Thương mại Kiên Giang.
Tổ chức bán đấu giá:	Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh.
Thời gian tổ chức đấu giá:	Theo Quy chế đấu giá do Sở giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh ban hành
Địa điểm tổ chức đấu giá:	Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh 16 Võ Văn Kiệt, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh



PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐỢT BÁN ĐẦU GIÁ

1. Căn cứ pháp lý của đợt chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng của Công Ty TNHH MTV Du lịch - Thương mại Kiên Giang

- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được kỳ họp lần thứ 8, Quốc Hội khoá XIII thông qua ngày 26/11/2014;
- Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần;
- Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Nghị định 116/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính Phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Thông tư số 115/2016/TT-BTC ngày 30/06/2016 của Bộ Tài Chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài Chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn Nhà Nước thực hiện chuyển đổi thành Công ty Cổ phần;
- Kế hoạch số 77/KH-UBND, ngày 13/10/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang ;
- Quyết định số 446/QĐ-UBND ngày 28/02/2014 của chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt đề án Tái cơ cấu doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Du lịch Thương mại Kiên giang;
- Quyết định số 979/QĐ-UBND ngày 27/4/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt thời điểm để thực hiện việc xác định giá trị doanh nghiệp của công ty TNHH MTV Du lịch Thương mại Kiên Giang;
- Quyết định số 783/QĐ-UBND ngày 21/4/2015 của chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Du lịch Thương mại Kiên Giang;
- Quyết định số 371/QĐ-BCĐCP ngày 22/4/2015 của Chủ tịch HĐQT công ty TNHH MTV Du lịch Thương mại Kiên Giang về việc thành lập Tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ



phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Du lịch Thương mại Kiên Giang;

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1700523208 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp lần đầu ngày 30/06/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 28/02/2015;
- Quyết định số 2868/QĐ-UBND ngày 16/12/2016 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Du lịch - Thương mại Kiên Giang để thực hiện cổ phần hóa.
- Quyết định số 372/QĐ-UBND ngày 22/02/2016 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Du lịch - Thương mại Kiên Giang.

2. Những người chịu trách nhiệm chính đối với Bản công bố thông tin:

2.1. Ban chỉ đạo cổ phần hoá

Căn cứ Quyết định số 783/QĐ-UBND ngày 21/4/2015 của chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Du lịch Thương mại Kiên Giang; Ban chỉ đạo cổ phần hóa gồm các thành viên sau:

- Trưởng Ban chỉ đạo cổ phần hóa: Ông Nguyễn Thanh Tùng, Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Du lịch Thương mại Kiên Giang;
- Phó trưởng ban: Ông Phạm Văn Hoàng, Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Du lịch Thương mại Kiên Giang;
- Các ủy viên ban chỉ đạo gồm:
 - Bà Huỳnh Thanh Nguyên, Phó Tổng Giám đốc, chủ tịch Công đoàn Công ty TNHH MTV Du lịch Thương mại Kiên Giang;
 - Bà Trần Thị Kim Quyết, kế toán trưởng, thành viên thường trực Ban Chỉ đạo;
 - Ông Bùi Quốc Thái, thành viên Hội đồng thành viên;
 - Ông Đặng Văn Lành, kiểm soát viên;
 - Ông Trần Văn Thón, thành viên Hội đồng thành viên;
 - Ông Trần Minh Khoa, thành viên Hội đồng thành viên;
 - Bà Bùi Thị Kim Triết, chánh văn phòng;
 - Bà Trần Thị Mỹ Trang, trưởng phòng kế hoạch kinh doanh;
 - Ông Lê Thành Được, phó phòng tài chính kế toán;
 - Ông Võ Chí Công, trưởng phòng Quản lý dự án;
 - Ông Nguyễn Thành Công, phó phòng tài chính kế toán;



CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH - THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG

Ông Phạm Văn Hoàng Tổng Giám đốc

Ông Đinh Hoài Thanh Kế toán Trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là chính xác, phù hợp với thực tế, đầy đủ và cần thiết để nhà đầu tư có thể đánh giá về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, giá trị doanh nghiệp và triển vọng phát triển của Công ty TNHH MTV Du lịch - Thương mại Kiên Giang.

2.3 Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT - CN. TPHCM

Ông Nguyễn Văn Khánh Phó Giám đốc

Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản công bố thông tin này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty TNHH MTV Du lịch - Thương mại Kiên Giang cung cấp nhưng không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán.

3. Các thuật ngữ viết tắt

Tổ chức phát hành:	Công ty TNHH MTV Du lịch Thương mại Kiên Giang;
KTC:	Công ty TNHH MTV Du lịch Thương mại Kiên Giang;
Tổ chức tư vấn đầu giá:	Công ty cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (BVSC);
Cổ phiếu:	Cổ phiếu của Công ty cổ phần Thương mại Kiên Giang (là công ty sau khi chuyển đổi Công ty TNHH MTV Du lịch Thương mại Kiên Giang thành công ty cổ phần);
UBND:	Ủy ban Nhân dân;
TNHH:	Trách nhiệm hữu hạn;
MTV:	Một thành viên;
CTCP:	Công ty cổ phần;
HĐTV:	Hội đồng thành viên;
CPH:	Cổ phần hóa;
ĐHĐCĐ:	Đại hội đồng cổ đông;
BCTC:	Báo cáo tài chính;
CBCNV:	Cán bộ công nhân viên;
TSCĐ:	Tài sản cố định;
HĐ:	Hợp đồng;
ROS:	Tỷ suất lợi nhuận ròng;




ROE:

Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu.



PHẦN II: TÌNH HÌNH VỀ DOANH NGHIỆP TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA

1. Giới thiệu về Công ty

- Tên tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH - THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG
- Tên tiếng Anh: KIEN GIANG TRADE AND TOURISM LIMITED COMPANY
- Tên giao dịch/viết tắt: KTC
- Vốn điều lệ: 229.350.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi chín tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng).
- Trụ sở chính: Số 190 đường Trần Phú, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.
- Điện thoại: (077) 3 862 113
- Fax: (077) 3 866 080
- Biểu tượng: 
- Website: www.ktcvn.com.vn
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1700523208 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp lần đầu ngày 30/06/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 28/02/2015.

2. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH MTV số 1700523208 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp lần đầu ngày 30/06/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 28/02/2015, ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty như sau:

- Khách sạn;
- Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống;
- Dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động khác;
- Dịch vụ ăn uống khác;
- Dịch vụ phục vụ đồ uống;
- Vận tải hành khách bằng xe khách liên tỉnh, nội tỉnh;
- Vận tải hành khách bằng xe taxi;



- Vận tải hành khách bằng xe đạp, xích lô và xe thô sơ khác;
- Vận tải hành khách ven và viễn dương;
- Vận tải hàng hoá ven biển và viễn dương;
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa;
- Vận tải hàng hoá đường thủy nội địa;
- Đại lý du lịch;
- Điều hành tua du lịch;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề;
- Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu khác (trừ gỗ, tre, nứa) ;
- Bán buôn gạo;
- Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác;
- Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt;
- Bán buôn thủy sản;
- Bán buôn thực phẩm khác;
- Bán buôn đồ uống có cồn;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hoá chất khác sử dụng trong nông nghiệp;
- Xây xát;
- Môi giới hàng hoá (không bao gồm môi giới tài chính, bất động sản, chứng khoán, bảo hiểm);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu;
- Môi giới hợp đồng hàng hoá và chứng khoán;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
- Bán lẻ vàng bạc, đá quý và đá bán quý, đồ trang sức trong các cửa hàng chuyên doanh;



- Kinh doanh ngoại hối;
- Kinh doanh phòng hát Karaoke;
- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khoẻ tương tự (trừ hoạt động thể thao);
- Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào;
- Vận tải hàng hoá bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng);
- Vận tải hàng hoá bằng ô tô chuyên dụng;
- Cho thuê ô tô;
- Cắt tóc, làm đầu, gội đầu;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu;
- Hoạt động nhiếp ảnh;
- Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet;
- Bán buôn đồ uống không có cồn;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá trong kho khác;
- Kinh doanh khí dầu mỏ hoá lỏng (LPG);
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Chế biến và đóng hộp thủy sản;
- Chế biến và bảo quản thủy sản đông lạnh;
- Chế biến và bảo quản thủy sản khô;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản khác;
- Khai thác thủy sản biển;
- Nuôi trồng thủy sản biển;
- Nuôi trồng thủy sản nước lợ;
- Nuôi trồng thủy sản nước ngọt;
- Sản xuất nước đá;
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Đóng tàu và cấu kiện nổi;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);
- Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ, sản xuất sản phẩm khác từ gỗ;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm;



- Trồng cây chè;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng lấy gỗ;
- Khai thác gỗ;
- Khai thác lâm sản khác;
- Thu nhặt sản phẩm từ rừng, không phải gỗ và lâm sản khác;
- Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp;
- Bán buôn cao su;
- Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến;

(Doanh nghiệp chỉ được hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).

3. Quá trình hình thành và phát triển

Tiền thân của Công ty TNHH MTV Du lịch Thương mại Kiên Giang là Công ty Thương mại Kiên Giang (Doanh nghiệp Nhà nước), thành lập năm 1996 do hợp nhất Công ty Vật tư Tổng hợp Kiên Giang với Công ty Thương nghiệp Tổng hợp Kiên Giang.

Ngày 28/06/2006, Ủy ban Nhân dân tỉnh Kiên Giang ban hành Quyết định số 1033/QĐ-UBND về việc thành lập Công ty Du lịch Thương mại Kiên Giang hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con, trên cơ sở hợp nhất Công ty Thương mại Kiên Giang (Kigitraco) và Công ty Du lịch Kiên Giang (Kien Giang Tourist). Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1700523208 Sở Kế hoạch và Đầu tư Kiên Giang cấp ngày 25/10/2006.

Ngày 30/06/2010, Công ty chuyển đổi loại hình hoạt động từ doanh nghiệp nhà nước sang công ty TNHH MTV do nhà nước làm chủ sở hữu; và được Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1700523208 ngày 30/06/2010.

Các thành tích đạt được:

- Huân chương Độc Lập hạng 3.
- Huân chương Lao động nhất, nhì, ba.
- Bộ Công Thương xét tặng “Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín 05 năm liền”.
- Hiệp Hội Lương thực Việt Nam xếp “Là Doanh nghiệp có sản lượng và kim ngạch XK Gạo đứng thứ 03 cả nước”.
- Là thành viên câu lạc bộ 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR500).
- Là thành viên vàng của Công thương mại điện tử Quốc Gia (ECVN).
- Top 10 giải thưởng Thương mại dịch vụ Việt Nam (Top Trade service VN).
- Cúp vàng Thương hiệu Nhân hiệu, v.v...

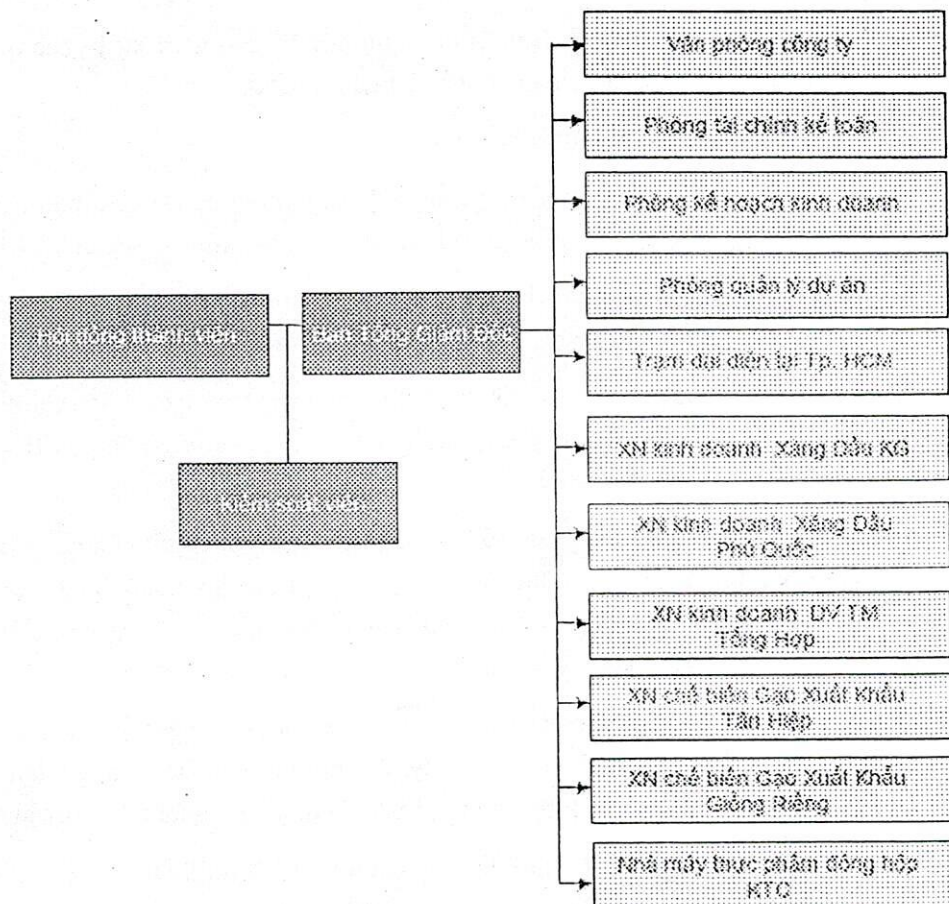


4. Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu

Công ty TNHH MTV Du lịch - Thương mại Kiên Giang cung cấp chủ yếu các sản phẩm và dịch vụ sau:

- Kinh doanh xuất khẩu lương thực;
- Kinh doanh xăng dầu;
- Kinh doanh bất động sản;
- Sản xuất kinh doanh thực phẩm đóng hộp.

5. Cơ cấu tổ chức và lao động Sơ đồ tổ chức Công ty TNHH MTV Du lịch - Thương mại Kiên Giang



5.2. Chức năng của các phòng ban

- Văn phòng Công ty:
 - Tham mưu giúp việc cho Ban Tổng giám đốc Công ty trong công tác tuyên dụng, đào tạo, bổ nhiệm và khen thưởng, kỷ luật.
 - Xây dựng tiêu chuẩn chức danh cán bộ và quy hoạch cán bộ lãnh đạo.



- Xây dựng kế hoạch đơn giá tiền lương, các quy chế, quy định, quy trình và tổ chức thực hiện.
- Nghiên cứu và giải quyết các chế độ chính sách, BHXH, BHYT, BHLĐ và các chế độ khác.
- Thực hiện công tác quản trị hành chính, lưu trữ văn thư.
- Xây dựng kế hoạch và tổ chức học tập, đào tạo CNVC về chuyên môn nghiệp vụ, nâng cao tay nghề, ngoại ngữ.
- Thực hiện các biện pháp cải thiện điều kiện làm việc tại Văn phòng và các cơ sở trực thuộc.
- Thực hiện tốt công tác bảo vệ nội bộ, bảo vệ cơ quan và phòng chống cháy nổ.
- Thừa lệnh Ban Tổng giám đốc ký sao y và xử lý các quy trình hành chính theo chức năng quyền hạn được giao.
- **Phòng Tài chính Kế toán:**
 - Thực hiện những công việc về nghiệp vụ chuyên môn tài chính kế toán theo đúng quy định của nhà nước về chuẩn mực, nguyên tắc kế toán.
 - Tham mưu cho Ban Tổng giám đốc về chế độ kế toán và những thay đổi của chế độ kế toán qua từng thời kỳ trong hoạt động kinh doanh.
 - Thực hiện tổ chức hạch toán, công tác quản lý tài chính, báo cáo thống kê của công ty theo luật kế toán và các hướng dẫn của Bộ Tài chính và Tổng cục thống kê.
 - Kiểm tra giám sát các khoản thu chi tài chính của công ty, kiểm tra việc xử lý, sử dụng tài sản và nguồn hình thành tài sản. Phát hiện và ngăn ngừa các hành vi vi phạm pháp luật về tài chính kế toán việc thực hiện quy chế tài chính của Công ty.
 - Tham mưu đề xuất các giải pháp phục vụ yêu cầu quản trị và quyết định kinh tế tài chính của công ty. Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc cấp phát, cân đối và điều hòa vốn sản xuất kinh doanh giữa các đơn vị trực thuộc.
 - Tham gia đánh giá nhà cung ứng vật tư, thiết bị dịch vụ cho Công ty. Phối hợp với các phòng, ban thanh lý các hợp đồng dân sự, hợp đồng kinh tế do Công ty thực hiện.
 - Kết hợp với các phòng ban, lập kế hoạch tài chính, kết hợp kiểm kê tài sản, vật tư hàng hóa của Công ty định kỳ và đột xuất theo quy định pháp luật.
 - Kết hợp cùng các phòng, ban nghiên cứu cải tiến tổ chức sản xuất, công tác kinh doanh nhằm khai thác khả năng tiềm tàng, tiết kiệm và không ngừng



nâng cao hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.

• **Phòng Kế hoạch Kinh doanh:**

- Tham mưu cho Ban Tổng giám đốc về công tác kế hoạch; công tác sản xuất, kinh doanh; công tác xuất nhập khẩu; công tác xúc tiến thương mại; công tác nghiên cứu phát triển công ty.
- Xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược phát triển công ty.
- Xây dựng và tổ chức thực hiện các định mức kinh tế kỹ thuật để phục vụ quá trình sản xuất, kinh doanh của công ty.
- Tham mưu cho Ban Tổng giám đốc đàm phán các hợp đồng kinh tế với đối tác bên ngoài và dự thảo các hợp đồng kinh tế.
- Đầu tư tài chính, hợp tác với các công ty thành viên, công ty liên kết và các đối tác bên ngoài.
- Phối hợp với các phòng, ban xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty. Thực hiện công tác kiểm tra báo cáo, thống kê và tổng hợp, phân tích tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Xây dựng và tổ chức thực hiện các phương án giá tiêu thụ sản phẩm nhằm mang lại hiệu quả cao nhất cho Công ty.

• **Phòng quản lý dự án:**

- Tham mưu cho Ban Tổng giám đốc quản lý các dự án đầu tư của công ty.
- Lập kế hoạch và dự toán vốn đầu tư xây dựng hàng năm.
- Tổ chức đấu thầu và tổ chức nghiệm thu các dự án hoàn thành.
- Lập và trình duyệt các dự án đầu tư phát triển do Công ty làm chủ đầu tư.
- Quản lý điều hành các dự án đầu tư do Công ty thực hiện.
- Tham mưu đàm phán cho Ban Tổng Giám đốc ký kết các hợp đồng thuộc lĩnh vực đầu tư với các nhà thầu.
- Tham mưu công tác nghiên cứu phát triển và trình tự thủ tục pháp lý, triển khai kế hoạch thực hiện các dự án đầu tư phát triển do Công ty làm chủ đầu tư.
- Lập hồ sơ mời thầu, tổ chức lựa chọn nhà thầu đối với các dự án đầu tư theo trình tự pháp lý quy định hiện hành. Thực hiện giám sát thi công công trình theo hợp đồng đã ký kết.
- Xây dựng kiểm tra và tổ chức thực hiện công tác quản lý chất lượng, khối lượng, tiến độ, chi phí xây dựng của từng công trình xây dựng, dự án đầu tư. Báo cáo quyết toán khi dự án hoàn thành đưa vào sử dụng.

• **Các đơn vị trực thuộc:**



- Xí nghiệp chế biến gạo xuất khẩu Tân Hiệp;
- Xí nghiệp chế biến gạo xuất khẩu Giồng Riềng;
- Xí nghiệp kinh doanh xăng dầu Kiên Giang;
- Xí nghiệp kinh doanh xăng dầu Phú Quốc;
- Xí nghiệp kinh doanh dịch vụ thương mại tổng hợp;
- Nhà máy thực phẩm đóng hộp KTC.

5.3. Người lao động

Tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp ngày 16/12/2016 tổng số CBCNV của Công ty là 448 người với cơ cấu như sau:

Stt	Tiêu chí	Số lượng	Tỷ trọng
A	Theo trình độ lao động	448	100%
1	Trình độ đại học và trên đại học	137	30,51%
2	Trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp	211	46,99%
3	Trình độ khác	100	22,49%
B	Theo loại Hợp đồng lao động	448	100%
1	Không thuộc diện ký Hợp đồng lao động	07	1,56%
2	Hợp đồng không thời hạn	192	42,76%
3	Hợp đồng thời hạn từ 3 tháng - 36 tháng	134	29,84%
4	Hợp đồng dưới 3 tháng	111	24,94%
5	Lao động đang nghỉ việc nhưng có tên trong danh sách lao động của Công ty	04	0,89%
C	Theo giới tính	448	100%
1	Nam	294	65,03%
2	Nữ	154	34,97%

Nguồn: Phương án CPH của KTC

6. Giá trị doanh nghiệp tại thời điểm cổ phần hóa

Căn cứ Quyết định số 2868/QĐ-UBND ngày 16/12/2016 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc công bố giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Du lịch - Thương mại Kiên Giang:

- Giá trị thực tế của doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2015 của Công ty TNHH Một thành viên Du lịch - Thương mại Kiên Giang là: 1.134.386.039.663 đồng (Một nghìn một trăm ba mươi tư tỷ, ba trăm tám mươi sáu triệu, không trăm ba mươi chín ngàn sáu trăm sáu mươi ba đồng).



mại Kiên Giang tại thời điểm 31/12/2015 để cổ phần hóa là: 364.738.338.985 đồng (Ba trăm sáu mươi tư tỷ, bảy trăm ba mươi tám triệu, ba trăm ba mươi tám ngàn chín trăm tám mươi lăm đồng).

Giá trị thực tế doanh nghiệp để cổ phần hóa của Công ty TNHH Một thành viên Du lịch - Thương mại Kiên Giang tại thời điểm 31/12/2015 được trình bày chi tiết ở bảng sau:

Đvt: đồng

Chỉ tiêu	Số liệu sổ sách kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
(1)	(2)	(3)	(4) = (3) - (2)
A. TÀI SẢN ĐANG DÙNG (I+II+III)	1.089.377.937.886	1.134.386.039.663	45.008.101.776
I. Tài sản dài hạn	502.916.171.625	568.817.218.046	65.901.046.420
1. Tài sản cố định	362.703.540.629	410.973.453.389	48.269.912.759
1.1. TSCĐ hữu hình	267.945.129.927	296.184.388.473	28.239.258.546
- Nhà cửa vật kiến trúc	162.149.516.595	179.535.572.040	17.386.055.446
- Máy móc thiết bị	95.517.739.782	100.450.379.555	4.932.639.773
- Phương tiện vận tải	9.924.614.745	15.688.273.280	5.763.658.535
- Thiết bị văn phòng	353.258.805	510.163.598	156.904.793
1.2. Tài sản vô hình	76.275.928.260	96.306.582.473	20.030.654.213
1.3. Chi phí XDCB dở dang	18.482.482.443	18.482.482.443	-
2. Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-
3. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	135.577.151.785	150.950.125.171	15.372.973.386
- Đầu tư vào công ty con	53.028.210.000	63.014.121.124	9.985.911.124
- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	64.966.189.527	64.215.268.996	(750.920.531)
- Đầu tư dài hạn khác	30.081.914.400	23.720.735.050	(6.361.179.350)
- Dự phòng giảm giá chứng khoán Đầu tư dài hạn	(12.499.162.142)	-	12.499.162.142
4. Tài sản dài hạn khác	4.635.479.211	6.893.639.486	2.258.160.275
- Chi phí trả trước dài hạn	4.635.479.211	5.909.988.275	1.274.509.065
- Công cụ dụng cụ	-	983.651.211	983.651.211
II. TSLĐ và đầu tư ngắn hạn	586.461.766.261	565.568.821.617	(20.892.944.644)
1. Tiền và các khoản trong đương tiền	42.255.979.521	42.255.982.794	3.273
- Tiền	42.255.979.521	42.255.982.794	3.273
- Các khoản trong đương Tiền	-	-	-
2. Các khoản ĐTTC ngắn hạn	-	-	-
3. Các khoản phải thu	245.178.695.909	224.315.893.992	(20.862.801.917)
- Phải thu khách hàng	182.009.487.225	168.139.559.473	(13.869.927.752)



Chỉ tiêu	Số liệu sổ sách kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
- Trả trước cho người bán	114.649.633.458	112.954.933.458	(1.694.700.000)
- Các khoản Phải thu khác	21.107.473.164	15.469.313.181	(5.638.159.983)
- Dự phòng Các khoản Phải thu khó đòi	-73.256.700.625	-72.916.714.807	339.985.818
- Tài sản thiếu chờ xử lý	668.802.687	668.802.687	-
4. Hàng tồn kho	289.809.279.674	289.779.133.674	(30.146.000)
- hàng tồn kho	289.809.279.674	289.779.133.674	(30.146.000)
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	9.217.811.157	9.217.811.157	-
- Chi phí trả trước ngắn hạn	1.494.010.219	1.494.010.219	-
- Thuế GTGT được khấu trừ	7.723.800.938	7.723.800.938	-
III. Giá trị lợi thế kinh doanh của DN	-	-	-
B. TÀI SẢN KHÔNG CẦN DỪNG	-	-	-
C. TÀI SẢN CHỜ THANH LÝ	-	-	-
D. TÀI SẢN HÌNH THÀNH TỪ QUỸ KHEN THƯỞNG PHÚC LỢI	-	-	-
TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DN (A+B+C+D)	1.089.377.937.886	1.134.386.039.663	45.008.101.776
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ CỦA DN (Mục A)	1.089.377.937.886	1.134.386.039.663	45.008.101.776
E1. Nợ thực tế phải trả	769.647.700.678	769.647.700.678	-
E2. Nguồn kinh phí sự nghiệp	-	-	-
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP [A-(E1+E2)]	319.730.237.208	364.738.338.985	45.008.101.776

Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp KTC tại thời điểm 31/12/2015.

7. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp

7.1. Thực trạng về tài sản cố định

Tình hình tài sản cố định của Công ty TNHH Một thành viên Du lịch - Thương mại Kiên Giang theo số liệu sổ sách kế toán tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp 31/12/2015, thể hiện tóm tắt ở bảng sau:

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại
1	Tài sản cố định hữu hình	408.235.667.307	140.290.537.380	267.945.129.927
	Nhà cửa, vật kiến trúc	226.088.510.517	62.566.610.089	163.521.900.428



Stt	Chỉ tiêu	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại
	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	29.961.372.596	20.085.744.268	9.875.628.328
	Máy móc thiết bị	150.906.985.261	56.714.997.751	94.191.987.510
	Thiết bị quản lý	1.278.798.933	923.185.272	355.613.661
2	Tài sản cố định vô hình	76.526.202.872	250.274.612	76.275.928.260
	Quyền sử dụng đất	76.496.202.872	220.274.612	76.275.928.260
	Phần mềm kế toán	30.000.000	30.000.000	-

Nguồn : Phương án CPH của KTC

7.2. Thực trạng về đất đai đang sử dụng

Tình hình đất đai Công ty TNHH Một thành viên Du lịch - Thương mại Kiên Giang hiện đang quản lý, sử dụng, chi tiết như sau (xem trang sau):

**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

STT	Tên thửa đất	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Hình thức sử dụng đất	Mục đích sử dụng	Chi chú
1.1	Kho xăng dầu An Hoà	Số 58 Trần Quý Cáp, KP6, P.An Hoà, Tp.Rạch Giá, Kiên Giang	7.611,2 m ²	Thuê đất trả tiền hàng năm	Đất xây dựng	
1.2	Cơ sở giết mổ gia cầm	Số 58 Trần Quý Cáp, KP6, P.An Hoà, Tp.Rạch Giá, Kiên Giang	3.068,8 m ²	Thuê đất trả tiền hàng năm	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	
2	Kho xăng dầu Thọ Phước	QL. 80, xã Mong Thọ B, H.Châu Thành, Kiên Giang	50.671,0 m ²	Thuê đất trả tiền hàng năm	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	
3	Kho xăng dầu Phú Quốc	Đường Phan Đình Phùng, TT.Dương Đông, H.Phú Quốc, Kiên Giang	13.877,5 m ²	Thuê đất trả tiền hàng năm	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	
4.1	Cửa hàng xăng dầu số 07	Cảng Tác Cựu, xã Vĩnh An, H.Châu Thành, Kiên Giang	1.307,5 m ²	Thuê đất trả tiền hàng năm	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	
4.2	Kho xăng dầu Bình An	Cảng Tác Cựu, xã Vĩnh An, H.Châu Thành, Kiên Giang	4.507,8 m ²	Thuê đất trả tiền hàng năm	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	
5	Cửa hàng xăng dầu số 30	Nguyễn Trung Trực, KP5, P.Vĩnh Lạc, Tp.Rạch Giá, Kiên Giang	2.292,6 m ²	Thuê đất trả tiền hàng năm	Đất xây dựng	
6	Cửa hàng xăng dầu Bạch Đằng	Bạch Đằng, KP2, TT. Dương Đông, H.Phú Quốc, Kiên Giang	191,7 m ²	Thuê đất trả tiền hàng năm	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	
7	Cửa hàng xăng dầu Bạch Đằng	Đường Bạch Đằng, KP2, TT. Dương Đông, huyện Phú Quốc, Kiên Giang	68,8 m ²	Thuê đất trả tiền hàng năm	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	
8	Cửa hàng xăng dầu Hàm Ninh	Ngã ba số 10, ấp Rạch Hàm, xã Hàm Ninh, huyện Phú Quốc, Kiên Giang	2.454,2 m ²	Thuê đất trả tiền hàng năm	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	
9	Cửa hàng xăng dầu số 3	Số 636 đường Nguyễn Trung Trực, KP5, P. Vĩnh Lạc, Kiên Giang	1.417,8 m ²	Thuê đất trả tiền hàng năm	Đất xây dựng	
10	Cửa hàng xăng dầu số 8	Khu Cảng du lịch Rạch Giá, P.Vĩnh Thành, Tp.Rạch Giá, Kiên Giang	410,0 m ²	Thuê đất trả tiền hàng năm	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

STT	Tên thửa đất	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Hình thức sử dụng đất	Mục đích sử dụng	Ghi chú
11	Cửa hàng xăng dầu số 24	QL 80, ấp Công Tre, TT.Kiên Lương, H.Kiên Lương, Kiên Giang	3.106,9 m ²	Thuê đất trả tiền hàng năm	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	
12	Cửa hàng xăng dầu số 28	Áp Kinh 9, TT.Tân Hiệp, H.Tân Hiệp, Kiên Giang	450,6 m ²	Thuê đất trả tiền hàng năm	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	
13	Nhà máy chế biến thực phẩm đóng hộp	Cảng Tác Cậu, xã Bình An, H.Châu Thành, Kiên Giang	14.635,3 m ²	Thuê đất trả tiền hàng năm	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	
14	Kho Ngô Quyền	Số 258 Ngô Quyền, P.Vĩnh Bảo, Tp.Rạch Giá, Kiên Giang	738,4 m ²	Thuê đất trả tiền hàng năm	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	
15.1	Cửa hàng xăng dầu số 2	Số 21 Nguyễn Bình Khiêm, P.Vĩnh Thanh, Tp.Rạch Giá, Kiên Giang	177,2 m ²	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất thương mại, dịch vụ	
15.2	Cửa hàng xăng dầu số 2	Số 23 Nguyễn Bình Khiêm, P.Vĩnh Thanh, Tp.Rạch Giá, Kiên Giang	256,7 m ²	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất thương mại, dịch vụ	
16.1	Cửa hàng xăng dầu số 9 - Kim Quy	Áp Hoà Thuận, Xã Vĩnh Hoà Hiệp, huyện Châu Thành, Kiên Giang	1.427,9 m ²	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	384,9 m ² thổ cư nông thôn; 1.043,0 m ² đất vườn	
16.2	Cửa hàng xăng dầu số 9 - Kim Quy	Áp Hoà Thuận, Xã Vĩnh Hoà Hiệp, huyện Châu Thành, Kiên Giang	1.427,9 m ²	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất thổ cư nông thôn 384,9 m ² ; 1.043,0 m ² đất vườn	
16.3	Cửa hàng xăng dầu số 9 - Kim Quy	Áp Hoà Thuận, Xã Vĩnh Hoà Hiệp, huyện Châu Thành, Kiên Giang	1.430,0 m ²	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất lâu năm khác 1.143,0 m ² ; đất ở nông thôn 300,0 m ²	
16.4	Cửa hàng xăng dầu số 9 - Kim Quy	Áp Hoà Thuận, Xã Vĩnh Hoà Hiệp, huyện Châu Thành, Kiên Giang	27.457,0 m ²	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất 2 lúa	
16.5	Cửa hàng xăng dầu số 9 - Kim Quy	Áp Hoà Thuận, Xã Vĩnh Hoà Hiệp, huyện Châu Thành, Kiên Giang	2.886,0 m ²	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất 2 lúa	

BAOVIET Securities

CHUNG KHOA VÀO VIỆT

KIẾN
NG
VI
NH
08



STT	Tên thửa đất	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Hình thức sử dụng đất	Mục đích sử dụng	Ghi chú
16.6	Cửa hàng xăng dầu số 9 – Kim Quy	Áp Hoà Thuận, Xã Vĩnh Hoà Hiệp, huyện Châu Thành, Kiên Giang	9.405,0 m ²	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất 2 lúa	
16.7	Cửa hàng xăng dầu số 9 – Kim Quy	Áp Hoà Thuận, Xã Vĩnh Hoà Hiệp, huyện Châu Thành, Kiên Giang	5.165,0 m ²	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất 2 lúa	
16.8	Cửa hàng xăng dầu số 9 – Kim Quy	Áp Hoà Thuận, Xã Vĩnh Hoà Hiệp, huyện Châu Thành, Kiên Giang	2.786,0 m ²	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất lâu năm khác 200m ² ; đất nuôi trồng thủy sản 2.586 m ²	
16.9	Cửa hàng xăng dầu số 9 – Kim Quy	Áp Hoà Thuận, Xã Vĩnh Hoà Hiệp, huyện Châu Thành, Kiên Giang	4.325,0 m ²	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất 2 lúa	
17	Cửa hàng xăng dầu số 10	QL 60, áp Sur Nam, TT.Hòn Đất, H.Hòn Đất, Kiên Giang	1.790,0 m ²	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất lâu năm khác 200m ² ; đất cây lâu năm khác 1.590,0 m ²	
18	Cửa hàng xăng dầu số 12	KP3, Phường Vĩnh Thông, T.P Rạch Giá, Kiên Giang	489,9 m ²	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất sản xuất, kinh doanh 266,5 m ² ; đất cây lâu năm 222,5 m ²	
19	Cửa hàng xăng dầu số 25	Khu phố III, P.Tô Châu, TX Hà Tiên, Kiên Giang	2.740,0 m ²	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất sản xuất, kinh doanh	
20	Cửa hàng xăng dầu số 26	Áp Bình Thuận, xã Bình Sơn, H.Hòn Đất, Kiên Giang	2.714,0 m ²	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất sản xuất, kinh doanh 300 m ² ; đất cây lâu năm 2.414,0 m ²	
21	Cửa hàng xăng dầu số 27	Áp Kinh Tư, xã Bình Giang, H.Hòn Đất, Kiên Giang	2.972,7m ²	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất sản xuất, kinh doanh 490 m ² ; đất cây lâu năm 2.482,7 m ²	
22.1	Cửa hàng xăng dầu số 29	Áp kênh 8 Thước, TT.Kiên Lương, H.Kiên Lương, Kiên Giang	1.939,3 m ²	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất sản xuất kinh doanh	



STT	Tên thửa đất	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Hình thức sử dụng đất	Mục đích sử dụng	Ghi chú
22.2	Cửa hàng xăng dầu số 29	Áp kênh 8 Thước, TT.Kiên Lương, H.Kiên Lương, Kiên Giang	1.525,6 m ²	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất cây lâu năm	
23	Cửa hàng xăng dầu số 33	Áp Vĩnh Thành B, xã Vĩnh Hoà Hiệp, H.Châu Thành, Kiên Giang	2.078,0 m ²	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất sản xuất, kinh doanh 200 m ² ; đất cây lâu năm khác 1.879 m ²	
24	Cửa hàng xăng dầu số 35	KP4-5, P.Bình San, TX.Hà Tiên, Kiên Giang	562,5 m ²	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	
25	Cửa hàng xăng dầu số 36	Áp Bời Lời B, xã Bình Minh, H.Vĩnh Thuận, Kiên Giang	3.884,7 m ²	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất sản xuất, kinh doanh 300 m ² ; đất cây lâu năm 3.584,7 m ²	
26	Cửa hàng xăng dầu số 38	Áp Vĩnh Tây 1, xã Vĩnh Phong, H.Vĩnh Thuận, Kiên Giang	266,0 m ²	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất sản xuất, kinh doanh	HLATGT đường thủy 126 m ²
27	Cửa hàng xăng dầu số 39	KP Minh Phú, TT Minh Lương, H.Châu Thành, Kiên Giang	1.575,0 m ²	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất sản xuất, kinh doanh 400 m ² ; đất cây lâu năm 1.175 m ²	
28	Cửa hàng xăng dầu 67,5 ha	KP9, TT.Dương Đông, H.Phú Quốc, Kiên Giang	960,0 m ²	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất sản xuất, kinh doanh	
29	Cửa hàng xăng dầu Hùng Vương	KP1, TT.Dương Đông, H.Phú Quốc, Kiên Giang	341,5 m ²	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất sản xuất, kinh doanh	
30.1	Nhà máy chế biến gạo XK Giồng Riềng PX1	Áp Thạnh Tân, xã Thạnh Hưng, H.Giồng Riềng, Kiên Giang	4.440,0 m ²	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất sản xuất, kinh doanh	
30.2	Nhà máy chế biến gạo XK Giồng Riềng PX1	Áp Thạnh Tân, xã Thạnh Hưng, H.Giồng Riềng, Kiên Giang	1.260,0 m ²	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất trồng cây lâu năm	HLATGT đường thủy 1.260 m ²





BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

STT	Tên thửa đất	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Hình thức sử dụng đất	Mục đích sử dụng	Ghi chú
30.3	Nhà máy chế biến gạo XK Giồng Riềng PX1	Áp Thạnh Tân, xã Thạnh Hưng, H.Giồng Riềng, Kiên Giang	3.894,0 m ²	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất sản xuất, kinh doanh	
31	Nhà máy chế biến gạo XK Giồng Riềng PX2	Áp Thạnh Tân, xã Thạnh Hưng, H.Giồng Riềng, Kiên Giang	14.400,0 m ²	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất sản xuất, kinh doanh	HLATGT đường thủy 960 m ²
32	Xí nghiệp chế biến gạo Tân Hiệp Kênh 9	Áp Tân Thịnh, xã Tân Hiệp A, H.Tân Hiệp, Kiên Giang	22.318,2 m ²	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất sản xuất, kinh doanh	HLATGT đường thủy 1.348,0 m ²
33.1	Xí nghiệp chế biến gạo Kinh 7	Áp Đông Thành, xã Thạch Đông A, H.Tân Hiệp, Kiên Giang	555,2 m ²	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất sản xuất, kinh doanh	
33.2	Xí nghiệp chế biến gạo Kinh 7	Áp Đông Thành, xã Thạch Đông A, H.Tân Hiệp, Kiên Giang	2.732,3 m ²	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất ở 98m ² , đất sản xuất, kinh doanh 1.698,5 m ² , đất cây lâu năm 935,7 m ²	HLATGT đường thủy 1.033,8 m ²
34.1	Trụ sở công ty	Số 192 Trần Phú, P.Vĩnh Thành Vân, Tp.Rạch Giá, Kiên Giang	71,26 m ²	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất sản xuất, kinh doanh	
34.2	Trụ sở công ty	Số 186-188-190 Trần Phú, P.Vĩnh Thành Vân, Tp.Rạch Giá, Kiên Giang	252,7 m ²	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất sản xuất, kinh doanh	
35.1	Khu dân cư Kinh 5	Áp Đông Thọ A, xã Thạnh Trị, H.Tân Hiệp, Kiên Giang	76,1 m ²	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất sản xuất, kinh doanh	
35.2	Khu dân cư Kinh 5	Áp Đông Thọ A, xã Thạnh Trị, H.Tân Hiệp, Kiên Giang	75,8 m ²	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất ở nông thôn	Đất dự án
35.3	Khu dân cư Kinh 5	Áp Đông Thọ A, xã Thạnh Trị, H.Tân Hiệp, Kiên Giang	72,3 m ²	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất ở nông thôn	Đất dự án
36	Ụ tàu An Hoà	Số 11 Nhật Tảo, Kp4, P.An Hoà, Tp.Rạch Giá, Kiên Giang	Tổng 23.588,6 m ²	Thuê đất trả tiền hàng năm	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh	

**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

STT	Tên thửa đất	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Hình thức sử dụng đất	Mục đích sử dụng	Ghi chú
37	Nhà chế biến gạo Tân Hiệp Kênh 9	Áp Tân Thịnh, xã Tân Hiệp A, H.Tân Hiệp, Kiên Giang	13.551 m ²	Công ty nhận chuyển nhượng	Đất lúa	
38	Cửa hàng xăng dầu Hà Tiên	QL80, phường Tô Châu, TX.Hà Tiên, Kiên Giang	2.720 m ²	Công ty nhận chuyển nhượng 2003	Đất cơ sở kinh doanh	
39	Cửa hàng xăng dầu số 9 – Kim Quy	Áp Hoà Thuận, xã Vĩnh Hoà Hiệp, H.Châu Thành, Kiên Giang	1.560 m ²	Công ty nhận chuyển nhượng	Đất lúa	
40	Công ty TNHH MTV Du lịch Thương mại	Số 30 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh, Tp.Rạch Giá, Kiên Giang	846,6 m ²	Thuê đất trả tiền hàng năm	Đất xây dựng	
41	Chợ biên giới	Xã Mỹ Đức, TX.Hà Tiên, Kiên Giang	14.481,7 m ²	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất sản xuất kinh doanh	
42	Trạm đại diện 1 - Công ty TNHH MTV Du lịch Thương mại	211/141 Nguyễn Trãi, P.Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Tp.HCM	63,5 m ²	Công ty nhận chuyển nhượng	Đất sản xuất kinh doanh	
TỔNG CỘNG			294.313,7 m ²			



8. Danh sách Công ty mẹ, Công ty con và Công ty liên kết của tổ chức phát hành

8.1 Chủ sở hữu vốn của tổ chức phát hành

Tên tổ chức: Ủy ban Nhân dân tỉnh Kiên Giang

Địa chỉ: 06 Nguyễn Công Trứ, Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

Tỷ lệ sở hữu tại Công ty: 100%

8.2 Danh sách Công ty con, liên kết của tổ chức phát hành:

a. Danh sách Công ty con của Công ty TNHH MTV Du lịch - Thương mại Kiên Giang

Đơn vị tính: đồng

Stt	Tên Công ty	Hoạt động chính	Giá trị vốn góp của KTC	Tỷ lệ sở hữu
1	Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Kiên Giang <i>3-4 Lô D1, Lạc Hồng, P.Vĩnh Lạc, Tp Rạch Giá, Kiên Giang</i>	Kinh doanh gạo	42.000.000.000	100%
2	Công ty Cổ phần Vận tải Thủy bộ Kiên Giang <i>Đường số 3 (Khu vực bến xe tỉnh Kiên Giang), Ấp Sua Đũa, Xã Vĩnh Hòa Hiệp, Châu Thành, tỉnh Kiên Giang</i>	Dịch vụ vận tải hành khách và hàng hóa (nội tỉnh và liên tỉnh)	11.028.210.000	85,38%

Nguồn: Phương án cổ phần hóa

b. Danh sách các công ty Liên doanh liên kết của Công ty TNHH MTV Du lịch Thương mại Kiên Giang

Đơn vị tính: đồng

Stt	Tên Công ty	Hoạt động chính	Giá trị vốn góp của KTC	Tỷ lệ sở hữu
1	Công ty TNHH Xăng dầu Kiên Giang <i>Số 30 đường Phạm Hồng Thái, Phường Vĩnh Thanh Vân, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang</i>	Kinh doanh xăng dầu	49.000.000.000	49%



Stt	Tên Công ty	Hoạt động chính	Giá trị vốn góp của KTC	Tỷ lệ sở hữu
2	Công ty Cổ phần Thực phẩm đóng hộp Kiên Giang <i>Khu cảng cá Tắc Cậu, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang</i>	chế biến đồ hộp, xuất khẩu	9.766.850.000	38,08%
3	Công ty Cổ phần Chế biến thủy sản xuất khẩu Ngô Quyền <i>Ấp Minh Phong, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang</i>	Chế biến thủy hải sản	7.680.000.000	35%
4	Công ty Cổ phần Sách và thiết bị trường học Kiên Giang <i>Lô E16, số 30,31,32 đường 3/2, Vĩnh Lạc, Rạch Giá, Kiên Giang</i>	Kinh doanh sách và thiết bị trường học	2.560.480.000	20%
5	Công ty Cổ phần Kinh doanh Nông sản Kiên Giang <i>12 Lý Tự Trọng, Rạch Giá, Kiên Giang</i>	Kinh doanh gạo	9.836.000.000	22,35%

Nguồn: Phương án cổ phần hóa

9. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong từ năm 2013 đến khi cổ phần hóa

9.1 Tình hình hoạt động kinh doanh

- a. Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm

CƠ CẤU DOANH THU THUẬN:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Doanh thu thuận bán hàng và cung cấp dịch vụ nội địa	3.836.631	62,06%	3.073.692	61,28%	2.245.559	60,37%
Doanh thu xuất khẩu	2.338.946	37,84%	1.879.966	37,48%	1.269.082	34,12%
Doanh thu bán bất động sản	4.083	0,07%	58.217	1,16%	203.654	5,47%



Chỉ tiêu	Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Doanh thu nội bộ	2.439	0,04%	4.151	0,08%	2.044	0,05%
Tổng cộng	6.182.099	100,00%	5.016.027	100,00%	3.720.340	100,00%

Nguồn: BCTC kiểm toán 2013, 2014 và 2015 của KTC

CƠ CẤU LỢI NHẬN GỘP:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Lợi nhuận gộp hàng hoá đã bán	127.659	100,00%	125.863	90,16%	133.279	86,60%
Lợi nhuận gộp bất động sản	-	0,00%	13.736	9,84%	20.631	13,40%
Tổng cộng	127.659	100,00%	139.599	100,00%	153.910	100,00%

Nguồn: BCTC kiểm toán 2013, 2014 và 2015 của KTC

b. Chi phí sản xuất

Cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty trong vòng 03 năm trước cổ phần hóa:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015	
	Giá trị	% TDT	Giá trị	% TDT	Giá trị	% TDT
Giá vốn hàng bán	6.054.045	97,17	4.876.006	95,93	3.565.972	94,30
Chi phí tài chính	31.830	0,51	41.836	0,82	47.090	1,25
Chi phí bán hàng	103.182	1,66	89.602	1,76	95.052	2,51
Chi phí quản lý doanh nghiệp	30.832	0,49	56.197	1,11	33.517	0,89
Chi phí khác	10.509	0,17	13.186	0,26	24.719	0,65
Tổng cộng	6.230.398	100,00	5.076.826	99,88	3.766.352	99,60

Nguồn: BCTC kiểm toán 2013, 2014 và 2015 của KTC

c. Nguyên vật liệu

Hoạt động kinh doanh xăng dầu: Công ty có mối quan hệ hợp tác kinh doanh lâu năm với Tập đoàn Xăng dầu Petrolimex, trực tiếp là công ty Xăng dầu Khu vực II - là đơn vị hàng đầu trong lĩnh vực cung ứng xăng dầu tại Việt Nam. Điều này giúp Công ty luôn ổn định và kịp thời cung ứng nguồn hàng hóa đầu vào, đáp ứng nhu cầu kinh doanh của từng đơn vị trực thuộc.

Đối với hoạt động chế biến xuất khẩu gạo và cá đóng hộp: Nguồn nguyên liệu của các hoạt động này chịu ảnh hưởng lớn bởi yếu tố đầu vào. Cụ thể: các yếu tố thời tiết, hiện tượng xâm nhập mặn tại các vùng Đồng bằng Sông Cửu Long; chất lượng gạo đầu vào, tính mùa vụ, lũ lụt ... ảnh hưởng lớn đến hiệu quả của hoạt động xuất của Công ty. Để chủ động trong



hoạt động kinh doanh và hạn chế rủi ro từ những yếu tố khách quan này, Công ty luôn chủ động tìm kiếm và hợp tác với các doanh nghiệp cung cấp nguồn nguyên vật liệu đầu vào có thương hiệu, uy tín và chất lượng trên địa bàn; thực hiện công tác kiểm tra chất lượng hàng hóa đầu vào chặt chẽ. Đồng thời, thực hiện các biện pháp dự trữ hàng tồn kho phù hợp với nhu cầu kinh doanh của công ty và dự báo tình hình biến động của thị trường cũng như các yếu tố rủi ro ngành.

DANH SÁCH CÁC DOANH NGHIỆP CHÍNH CUNG CẤP NGUYÊN LIỆU:

Stt	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Nguyên vật liệu cung cấp	Loại hợp đồng ký kết
1	Công ty TNHH Thủy Sản Uy Tiến	9/2 Phước Long, Nha Trang, Khánh Hòa	Cá ngừ các loại	Hợp đồng từng năm
2	Công ty TNHH Mười Tuyền	Lô 2, Phường Đức Thắng, Phan Thiết, Bình Thuận	Cá ngừ các loại	Hợp đồng từng năm
3	Công ty TNHH MTV Thương Mại - Dịch Vụ Thu Vân	Số 2, Nguyễn An Ninh, Phường 2, TP Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang	Cá ngừ các loại	Hợp đồng từng năm
4	Công Ty Xăng Dầu khu vực II- Công ty TNHH MTPetrolimex Sài Gòn	Số 15 Lê Duẩn, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh	Xăng, Dầu	Hợp đồng từng năm
5	Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Long Hưng	12a Nguyễn Thị Huỳnh, Phường 08, Quận Phú Nhuận, Thành Phố Hồ Chí Minh	Xăng, Dầu	Hợp đồng từng năm
6	Công ty TNHH MTV Chế Biến Lương Thực Vạn Lợi	222 Quốc lộ 91, khu vực Thới Thạnh 2, Q. Thốt Nốt, TP Cần Thơ	Gạo 15% tấm Việt Nam Xuất Khẩu	Hợp đồng vụ việc
7	Doanh Nghiệp Tư Nhân Thành Lợi	Khu vực Lân Thành 1, P. Trung Kiên, Thốt Nốt, Cần Thơ	Gạo 5% tấm Việt Nam Xuất Khẩu	Hợp đồng vụ việc

Nguồn: KTC

d. Trình độ công nghệ

- Theo chiến lược phát triển, để chủ động trong kinh doanh xuất khẩu gạo và kinh doanh xăng dầu là 2 mặt hàng kinh doanh chiến lược. Công ty đã tập trung xây dựng các nhà máy chế biến gạo xuất khẩu với sức chứa trên 80.000 tấn/nhà máy tại hai huyện có nguồn nguyên liệu dồi dào nhất tỉnh là Giồng Riềng và Tân Hiệp, với dây chuyền chế biến hiện đại đạt tiêu chuẩn xuất khẩu vào các thị trường khó tính nhất.
- Công ty cũng đã xây dựng Nhà máy thực phẩm đóng hộp KTC (KTCFood):
 - ✓ Là một trong những Nhà máy lớn của khu vực đồng bằng sông Cửu Long với dây chuyền sản xuất hiện đại và tự động của Tây Ban Nha và Thái Lan, chuyên kinh doanh chế biến xuất khẩu cá Ngừ và cá Sardines đóng hộp với công suất trung bình



của Nhà máy từ 80.000 đến 100.000 lon mỗi ngày.

- ✓ Thực hiện quy trình kiểm tra nghiêm ngặt trong sản xuất từ nguyên liệu đến thành phẩm. Được thực hiện bởi đội ngũ công nhân lành nghề có trình độ chuyên môn, nhằm đảm bảo về chất lượng cho các đơn hàng của đối tác. Hiện nay nhà máy đã được cấp chứng nhận về tiêu chuẩn chất lượng trong quy trình sản xuất, sản phẩm đáp ứng nhu cầu thị trường các nước trên thế giới như: HACCP (EU Code DH 755), DOLPHIN SAFE, IFS, HALAL, ISO 22000: 2005...
- Trình độ công nghệ của Công ty so với các đối thủ cạnh tranh chính và so với ngành:
 - ✓ Có nhiều ưu thế so với đối thủ cạnh tranh do xây dựng mới, áp dụng công nghệ tiên tiến.
 - ✓ Để xây dựng được niềm tin của khách hàng từng bước thâm nhập và mở rộng thị trường, KTCFOOD luôn chú ý đến chất lượng và đa dạng hóa mẫu mã hàng hóa với công nghệ sản xuất tiên tiến được tư vấn của các chuyên gia công nghệ Thái Lan. Hiện nay nhà máy đã xuất hàng đi các nước trên thế giới như: châu Âu, Mỹ, châu Phi, Nam Mỹ, Trung đông, Hàn Quốc, Singapore, Hồng Kông... với mã số EU Code DH-755. Nhà máy áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến và an toàn vệ sinh thực phẩm theo tiêu chuẩn HACCP.
- Định hướng ứng dụng công nghệ vào SXKD của Công ty trong tương lai: Luôn áp dụng những tiến bộ của công nghệ vào quá trình sản xuất.
- e. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới
 - Hoạt động kinh doanh xuất khẩu gạo và kinh doanh xăng dầu là những ngành nghề kinh doanh cơ bản của nền kinh tế, để nâng cao hiệu quả của các hoạt động này, Công ty chủ trương chú trọng công tác tìm kiếm nguồn đầu vào có tính chất ổn định, đảm bảo các yêu cầu về chất lượng. Bên cạnh đó, Công ty cũng nỗ lực trong việc tìm kiếm thị trường đầu ra có tính ổn định và lâu dài.
 - Riêng hoạt động sản xuất và xuất khẩu cá hộp, KTC có đội ngũ nhân sự riêng tập trung nghiên cứu thị trường và phát triển sản phẩm mới. Hiện tại, sản phẩm của KTCFOOD khá đa dạng về chủng loại và mẫu mã được thị trường quốc tế chấp thuận.
 - Ngoài ra, Công ty đã và đang thực hiện/ liên kết thực hiện một số dự án bất động sản trên địa bàn Tỉnh Kiên Giang theo chủ trương của UBND Tỉnh. Việc đầu tư này có khả năng giúp Công ty tạo lợi nhuận đột biến trong tương lai.



f. Tình hình kiểm tra chất lượng

- Hoạt động Kinh doanh xăng dầu: Là đơn vị đầu ngành của tỉnh Kiên Giang trong hoạt động kinh doanh xăng dầu, do vậy để đảm bảo cho việc đo lường đúng và chính xác, Công ty đã đầu tư các thiết bị đo lường xăng dầu theo đúng quy định và tiêu chuẩn chất lượng của Việt Nam. Công ty có đội ngũ chuyên trách thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của các chi nhánh/ đại lý xăng dầu nhằm đảm bảo uy tín và chất lượng.
- Hoạt động chế biến xuất khẩu gạo: Là một trong những đơn vị đầu ngành của Việt Nam trong hoạt động kinh doanh xuất khẩu gạo. Công ty TNHH MTV Du lịch Thương Mại Kiên Giang đã và đang từng bước thực hiện các biện pháp nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm gạo xuất khẩu. Trong đó, Công ty chủ động tìm kiếm nguồn cung có chất lượng cao, công tác kiểm tra chất lượng chặt chẽ; thực hiện chế độ tồn trữ hàng tồn kho đầy đủ, kịp thời nhằm đảm bảo tiêu chuẩn xuất khẩu và đạt chất lượng tốt nhất.
- Trong hoạt động sản xuất đồ hộp xuất khẩu: Việc đầu tư trang thiết bị hiện đại và quy trình quản lý chất lượng nhằm đảm bảo tối đa vệ sinh an toàn thực phẩm, đáp ứng đầy đủ các quy định của nước xuất khẩu là yếu tố trọng tâm trong hoạt động kinh doanh của KTC.

g. Hoạt động Marketing

- Đối với hoạt động kinh doanh xăng dầu: Công ty TNHH MTV Du lịch Thương Mại Kiên Giang không ngừng mở rộng lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, hợp tác chiến lược với Tổng công ty Xăng dầu Việt Nam nhằm từng bước chiếm lĩnh thị trường tại địa bàn tỉnh Kiên Giang và một số vùng phụ cận. Mở rộng các đại lý và các cửa hàng bán lẻ hầu hết các huyện, thị trong tỉnh. Hệ thống xăng dầu của KTC đã được khách hàng và đối tác trên địa bàn tỉnh Kiên Giang và các vùng phụ cận tin tưởng và sử dụng như một thói quen.
- Đối với lĩnh vực chế biến gạo xuất khẩu và chế biến đồ hộp: Công ty đã và đang nỗ lực trong việc xây dựng thương hiệu KTC, KTCFOOD trong hoạt động xuất khẩu gạo và kinh doanh đồ hộp thông qua các chương trình quảng bá sản phẩm/ Hội chợ trong và ngoài nước; các chương trình xúc tiến thương mại do các hiệp hội, các cơ quan ban ngành trong nước tổ chức; các website thương mại điện tử... Bên cạnh đó, chất lượng sản phẩm cung cấp và tuân thủ các quy định của Hợp đồng kinh tế nhằm thể hiện uy tín, thương hiệu và chất lượng của KTC với đối tác là nhiệm vụ trọng tâm trong công tác marketing của Công ty..

h. Nhận hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Hiện Công ty đang sử dụng logo sau để làm thương hiệu cho sản phẩm, dịch vụ





9.2 Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 03 năm trước khi cổ phần hóa

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty giai đoạn các năm trước khi cổ phần hóa được tóm tắt ở bảng sau:

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
1	Vốn Chủ sở hữu	326.561.404.269	327.141.274.693	319.730.237.209
2	Nợ phải trả	1.517.141.970.015	1.196.520.818.181	769.647.700.678
2.1	Nợ ngắn hạn	1.356.309.738.215	1.062.923.818.181	635.590.800.678
	Trong đó: Nợ quá hạn	-	-	-
2.2	Nợ dài hạn	160.832.231.800	133.597.000.000	134.056.900.000
	Trong đó: Nợ quá hạn	-	-	-
2.3	Nợ khác	-	-	-
3	Nợ phải thu	433.118.110.362	394.991.167.477	245.178.695.909
	Trong đó:			
3.1	Nợ ngắn hạn	433.118.110.362	394.991.167.477	245.178.695.909
3.2	Nợ dài hạn	-	-	-
4	Tổng số lao động (người)	640	689	586
5	Tổng quỹ lương	27.405.366.184	51.149.113.956	56.933.272.680
6	Thu nhập bình quân của người lao động/tháng	3.3568.407	6.186.395	9.068.313
7	Doanh thu thuần	6.181.704.454.219	5.015.604.994.224	3.719.882.332.434
8	Giá vốn hàng bán	6.054.045.238.695	4.876.006.203.367	3.565.972.314.190
9	Tổng tài sản	1.843.703.374.284	1.523.662.092.874	1.089.392.307.887
10	Lợi nhuận trước thuế	58.769.485	6.059.175.435	15.039.456.401
11	Lợi nhuận sau thuế (LNST)	50.019.485	579.870.424	9.595.177.592
12	LNST/Vốn Chủ sở hữu	0,02%	0,18%	3,00%

Nguồn: Phương án CPH của KTC

9.3 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của Công ty

Trong năm vừa qua, một số yếu tố sau đã ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH Du lịch - Thương mại Kiên Giang:

a. Thuận lợi:

- o Công ty luôn được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ của UBND tỉnh Kiên Giang; sự hỗ trợ và tạo điều kiện của các ngành chức năng có liên quan



và lãnh đạo các địa phương, nhất là các địa phương nơi Công ty có cơ sở SXKD.

- o Hai ngành kinh doanh chiến lược của Công ty là Xăng dầu và chế biến gạo xuất khẩu được sự hợp tác và hỗ trợ tích cực, hiệu quả từ Hiệp hội Lương thực Việt Nam và Công ty Xăng dầu Khu vực II thuộc Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex).
- o Mặt khác, các doanh nghiệp thành viên trong hệ thống Công ty đã có sự hỗ trợ, chia sẻ thông tin rất tốt, trong đó Công ty mẹ đã phát huy tốt vai trò chủ đạo, dẫn dắt và định hướng khi các Công ty thành viên gặp khó khăn.
- o Ngoài ra, thuận lợi khá cơ bản đối với Doanh nghiệp đó là Công ty có được bộ máy tổ chức ổn định, đội ngũ CBCNV có trình độ tương đối đồng đều, nhất là khối lao động gián tiếp; đời sống người lao động luôn được đảm bảo giúp ổn định tư tưởng, an tâm công tác và gắn bó lâu dài với Công ty.

b. Khó khăn:

- o Trong khi nhu cầu vốn cho sản xuất kinh doanh là rất lớn nhưng Doanh nghiệp lại rất khó tiếp cận các nguồn vốn vay do chính sách thắt chặt tín dụng; lãi suất vay tăng cao, tỷ giá USD biến động... từ đó ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.
- o Các ngành nghề kinh doanh chính của Công ty đang mất dần ưu thế do có sự tham gia của nhiều thành phần, tính cạnh tranh trở nên gay gắt ở cả trong và ngoài nước.
- o Việc thực hiện chủ trương thu mua lúa, gạo tạm trữ từng lúc Công ty phải chịu lỗ.
- o Giá xăng dầu biến động liên tục.
- o Lĩnh vực chế biến, xuất khẩu thủy sản đóng hộp gặp nhiều khó khăn do nguồn nguyên liệu đầu vào ngày càng khan hiếm, thiếu ổn định.
- o Lĩnh vực kinh doanh bất động sản vẫn còn khó khăn do thị trường bất động sản đang chững lại; hoạt động đầu tư tài chính đạt hiệu quả thấp do các công ty thành viên cũng gặp các khó khăn riêng...

10. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

- Là đơn vị nhà nước hoạt động lâu năm trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. Được sự quan tâm và hỗ trợ của UBND và các ban ngành trong tỉnh.
- Là đơn vị đầu ngành của tỉnh Kiên Giang trong hoạt động kinh doanh xăng dầu và xuất khẩu gạo.
- Hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực xuất khẩu gạo - ngành truyền thống của các công ty thuộc khu vực đồng bằng sông Cửu Long.



- Công ty có mối quan hệ lâu năm, bền chặt với nhiều doanh nghiệp đầu ngành trong việc cung cấp nguyên vật liệu đầu vào như: xăng dầu; lúa, gạo...
- Sản phẩm cá hộp của Công ty được xuất khẩu sang nhiều nước trên thế giới như: thị trường EU; Mỹ, Canada, Trung Đông, Châu Phi, Hàn Quốc, Hồng Kong, Singapore...



PHẦN III: THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HÓA

1. Giới thiệu về doanh nghiệp sau cổ phần hóa

1.1. Thông tin chung về doanh nghiệp sau cổ phần hóa

- Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG
- Tên tiếng Anh: KIEN GIANG TRADING JOINT STOCK COMPANY
- Tên giao dịch: KTC
- Trụ sở chính: Số 190 đường Trần Phú, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
- Điện thoại: (077) 3 862 113 Fax: (077) 3 866 080
- Website: www.ktcvn.com.vn

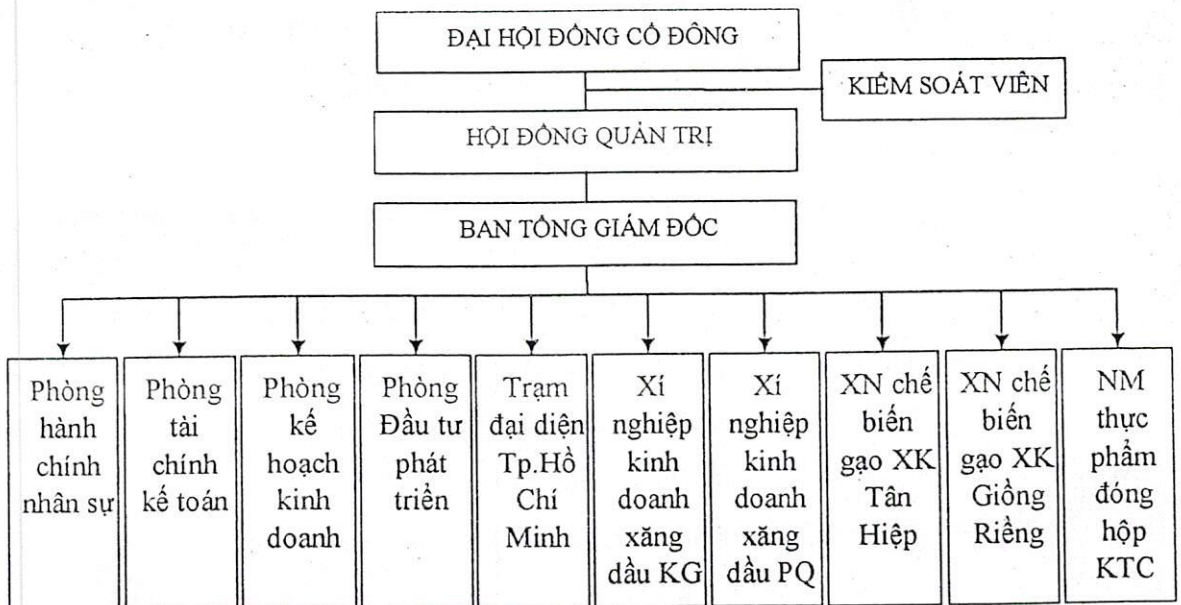
1.2. Hình thức pháp lý

Sau khi cổ phần hóa Công ty cổ phần Du lịch Thương mại Kiên Giang sẽ hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được kỳ họp lần thứ 8, Quốc Hội khóa XIII thông qua ngày 26/11/2014.

1.3. Cơ cấu tổ chức công ty sau cổ phần hóa

Sau cổ phần hóa, Công ty thay đổi mô hình hoạt động phù hợp với loại hình công ty cổ phần. Sơ đồ tổ chức bộ máy hoạt động của các phòng ban và các bộ phận chức năng không có sự thay đổi so với trước cổ phần hóa.

Cơ cấu tổ chức Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang



Nguồn: KTC



2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh trong 3 năm liền kể sau khi cổ phần hóa

2.1. Triển vọng của ngành

Công ty hoạt động trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ; trong đó chủ yếu là sản xuất, kinh doanh các mặt hàng thiết yếu như: gạo; xăng dầu; cá đóng hộp. Đây là ngành nghề có tính chất truyền thống, phù hợp với đặc điểm về điều kiện tự nhiên, khí hậu tại Việt Nam. Bên cạnh đó, ngành nông, ngư nghiệp là những ngành mang tính chiến lược của Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế toàn cầu.

Việt Nam là quốc gia xuất khẩu gạo lớn thứ 3 thế giới. Chính Phủ rất chú trọng phát triển nông nghiệp, đặc biệt là tại khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long - vựa lúa của cả nước. Bên cạnh đó, hoạt động xuất khẩu gạo là một trong những lĩnh vực trọng yếu mang lại ngoại tệ, đồng thời đáp ứng cho đảm bảo cho dự trữ lương thực quốc gia nên luôn được Chính Phủ quan tâm và thực hiện các chính sách hỗ trợ.

Vì vậy, tiềm năng phát triển của Công ty là khá lớn.

2.2. Định hướng phát triển của công ty

Chủ trương của Công ty hiện tại và sau cổ phần hóa là tập trung phát triển kinh doanh ở các lĩnh vực kinh doanh chính: Xuất khẩu gạo; chế biến đồ hộp xuất khẩu và kinh doanh xăng dầu. Trong đó, Công ty chủ trương nâng cao chất lượng sản phẩm, cải tiến công nghệ trong lĩnh vực chế biến đồ hộp xuất khẩu và xuất khẩu gạo nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường quốc tế; đặc biệt là thị trường EU và thị trường Mỹ. Định hướng và chủ trương của Công ty là phù hợp với chủ trương của Nhà nước trong bối cảnh Việt Nam đã và đang hợp tác sâu rộng và toàn diện về kinh tế với thế giới.

Tập trung và lĩnh vực kinh doanh truyền thống sẽ giúp Công ty có sự ổn định lâu dài và có nền tảng cho sự phát triển của doanh nghiệp trong tương lai.

2.3. Kế hoạch sản xuất kinh doanh sau cổ phần hóa

- Lĩnh vực kinh doanh xăng dầu.
 - Hợp tác chiến lược với Petrolimex nhằm chiếm lĩnh thị phần tại địa bàn tỉnh Kiên Giang trong lĩnh vực xăng, dầu.
 - Mở rộng lĩnh vực kinh doanh xăng dầu các loại trên địa bàn.
 - Mở rộng hệ thống bán lẻ qua các kênh cửa hàng và đại lý.
 - Đẩy mạnh kinh doanh xăng dầu thông qua kênh thương mại.
- Lĩnh vực xuất khẩu gạo:
 - Giữ vững khách hàng và thị trường truyền thống.
 - Tiếp tục tìm kiếm khách hàng và thị trường mới có nhiều tiềm năng.



- Tăng cường công tác kiểm soát chất lượng và trang bị các dây chuyền chế biến gạo chất lượng cao nhằm thâm nhập vào các thị trường cao cấp.
- **Lĩnh vực đồ hộp.**
 - Xây dựng hệ thống thu mua và lưu trữ nguyên liệu nhằm đáp ứng được công suất chế biến của nhà máy.
 - Giữ vững khách hàng tại các thị trường truyền thống.
 - Kiểm soát chặt chẽ chất lượng sản phẩm nhằm mở rộng thị phần tại các thị trường khó tính như EU, Mỹ....
 - Đẩy mạnh công tác tiếp thị các sản phẩm cá sốt cà, phát triển thương hiệu KTCFOOD nhằm mở rộng thị phần tại thị trường trong nước.

2.4. Cơ sở xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh

- Căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh của các năm trong quá khứ.
- Căn cứ vào số lượng hợp đồng hiện tại và năng lực tiêu thụ của đối tác dự kiến thực hiện trong tương lai.
- Căn cứ vào các hợp đồng hợp tác/ hạn mức quota của Chính phủ cho việc xuất khẩu gạo trong những năm tiếp theo.

2.5. Các chỉ tiêu chính

Kế hoạch kinh doanh sau khi cổ phần hóa của KTC

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2017	Kế hoạch 2018	Kế hoạch 2019	Kế hoạch 2020	Kế hoạch 2021
1	Doanh thu bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ	4.378.143	4.815.957	5.393.872	6.041.137	6.947.308
2	Giá vốn hàng bán	4.130.479	4.543.527	5.089.391	5.701.998	6.556.047
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	20.000	22.000	24.000	25.000	30.000
4	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	20.500	22.000	24.000	25.000	30.000
5	Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	4.100	4.400	4.800	5.000	6.000
6	Tổng lợi nhuận sau thuế	16.400	17.600	19.200	20.000	24.000
7	Vốn chủ sở hữu	368.617	368.617	368.617	368.617	368.617
8	ROE	4,45%	4,77%	5,21%	5,43%	6,51%
9	Thu nhập trên mỗi cổ phần (đồng/CP)	445	477	521	543	651

Nguồn: Phương án CPH của KTC

Kế hoạch kinh doanh của Công ty được lập trên cơ sở thận trọng và căn cứ số liệu của quá khứ giai đoạn năm 2013 - năm 2015. Công ty có khả năng đạt thu được lợi nhuận cao hơn dự kiến trong tương lai từ hoạt động kinh doanh bất động sản của Công ty. Điều này tùy thuộc vào tình hình thị trường bất động sản và thực tế triển khai kế hoạch kinh doanh của Công ty sau cổ phần hóa.



2.6. Các giải pháp thực hiện

- **Hoạt động xuất khẩu gạo:**
 - Công ty chủ động tích cực tìm kiếm, mở rộng đối tượng khách hàng và thị trường tiêu thụ. Làm việc với đối tác trong nước nhằm đảm bảo chất lượng gạo đầu vào đạt đủ tiêu chuẩn và chất lượng theo từng loại thị trường.
 - Tích cực mở rộng các thị trường tại các nước phát triển: Nhật, Mỹ...
 - Thực hiện hàng tồn kho hợp lý, hạn chế tối thiểu việc tồn dư lâu ngày gây thoát thoát và kém hiệu quả.
- **Hoạt động kinh doanh xăng dầu:**
 - Mục tiêu của Công ty là phát triển hệ thống phân phối xăng dầu khắp tỉnh Kiên Giang và các vùng phụ cận.
 - Nghiêm cấm và thực hiện chế độ kiểm tra, xử lý vi phạm các trường hợp gian lận trong công tác đo lường.
- **Hoạt động sản xuất và kinh doanh đồ hộp xuất khẩu**
 - Đảm bảo công tác sản xuất thực hiện đúng quy trình và công nghệ nhằm đảm bảo chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm.
 - Mở rộng phát triển thị trường ngoài nước.
 - Thực hiện công tác quảng bá và tiếp thị sản phẩm trên thị trường quốc tế và Việt Nam.
- **Hoạt động đầu tư**
 - Thực hiện theo nhiệm vụ của Đảng. Phần lớn diện tích trong hoạt động đầu tư của Công ty sẽ được bàn giao cho Chủ sở hữu trước khi hoàn tất công tác cổ phần hoá.
 - Đối với các dự án Công ty thực hiện quản lý sau cổ phần, Công ty sẽ đẩy mạnh trên cơ sở cân đối nguồn vốn hoạt động trên cơ sở đảm bảo đủ nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty.

3. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ

3.1 Vốn điều lệ

- Vốn điều lệ: 364.738.330.000 đồng (Ba trăm sáu mươi bốn tỷ bảy trăm ba ba mươi tám triệu ba trăm ba mươi ngàn đồng).
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.
- Cơ cấu vốn cổ phần như sau :



Stt	Cổ đông	Số lượng Cổ phần	Giá trị cổ phần (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Nhà nước	17.872.178	178.721.780.000	49,00%
2	CBCNV mua ưu đãi	569.900	5.699.000.000	1,56%
2.1	<i>Mua theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước</i>	340.700	3.407.000.000	0,93%
2.2	<i>Mua theo đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần</i>	229.200	2.292.000.000	0,63%
3	Công đoàn Công ty	60.000	600.000.000	0,17%
4	Nhà đầu tư chiến lược	12.765.842	127.658.420.000	35,00%
5	Nhà đầu tư bên ngoài mua cổ phần thông qua đấu giá	5.205.913	52.059.130.000	14,27%
	Tổng cộng	36.473.833	364.738.330.000	100,00%

Nguồn: Phương án CPH của KTC

3.2 Phương án tăng giảm vốn điều lệ sau khi chuyển thành công ty cổ phần

Trong 3 năm sau cổ phần hóa (giai đoạn 2017-2019), Công ty duy trì mức vốn điều lệ là 364.738.330.000 đồng.

4. Rủi ro dự kiến

4.1 Rủi ro kinh tế

Là một Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh thương mại và dịch vụ nên hoạt động kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng trực tiếp từ sự tăng trưởng hoặc trì trệ của việc phát triển Việt Nam nói riêng và nền kinh tế thế giới nói chung. Nền kinh tế nước ta trải qua giai đoạn dài từ 2008 – 2013 với nhiều các vấn đề thách thức đặt ra như lạm phát, cắt giảm đầu tư công, tăng trưởng tín dụng, nợ xấu trong lĩnh vực ngân hàng, tỷ giá và giá vàng nhiều biến động... Sau nhiều giải pháp và nỗ lực quyết liệt của Chính phủ, đặc biệt là quá trình tái cơ cấu nền kinh tế, dấu hiệu khả quan về sự phục hồi của nền kinh tế đã dần xuất hiện từ năm 2014. Tốc độ tăng GDP của Việt Nam 5,98% trong năm 2014 và 6,68% trong năm 2015 là tín hiệu tích cực cho sự kỳ vọng vào sự tăng trưởng kinh tế năm 2016. Điều này đem lại kỳ vọng cho hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp Việt Nam (nói chung) và Công ty TNHH MTV Du lịch Thương mại Kiên Giang (nói riêng).

4.2 Rủi ro về luật pháp

Rủi ro về luật pháp là một loại rủi ro mang tính hệ thống và nó không những ảnh hưởng đến riêng Công ty mà còn ảnh hưởng chung đến toàn ngành. Những thay đổi trong chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ đều sẽ có những tác động nhất định đến hoạt động Công ty. Với pháp luật Việt Nam hiện hành, Công ty chịu nhiều rủi ro do hệ thống pháp luật chưa được chặt chẽ và còn nhiều quy



định chồng chéo. Bất cứ điều chỉnh nào trong những quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và quy định khác liên quan đến ngành nghề hoạt động kinh doanh của Công ty đều có ảnh hưởng và tác động đến hoạt động và kết quả kinh doanh của Công ty.

4.3 Rủi ro đặc thù

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thương mại và du lịch, trong đó hoạt động kinh doanh chính của Công ty là xuất khẩu gạo; xuất khẩu cá đóng hộp; và kinh doanh xăng dầu - Những hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các rủi ro mang tính chất đặc thù như: hạn ngạch (quota) xuất khẩu gạo; sự thay đổi trong chính sách bảo hộ hàng trong nước tại nước sở tại (chính sách chống bán phá giá cá tra, cá basa...), biến động giá dầu trong nước và quốc tế ...

4.4 Rủi ro của đợt chào bán

Hiện tại, thị trường chứng khoán Việt Nam chưa có sự tăng trưởng bền vững do những biến động về tình hình biên động; tình trạng ô nhiễm nguồn nước... đã và đang ảnh hưởng đến tâm lý của Nhà đầu tư. Phần lớn, các nhà đầu tư đều đang trông mong vào một động thái tích cực của Chính phủ cũng như những dấu hiệu lạc quan hơn của nền kinh tế. Thêm vào đó, Chính phủ có chủ trương thoái toàn bộ vốn Nhà nước mà Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) đang nắm giữ tại 10 doanh nghiệp lớn đang hoạt động kinh doanh hiệu quả (Vinamilk, FPT, Nhựa Bình Minh...) sẽ thu hút sự quan tâm lớn của các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

Ngoài ra, Công ty đang kinh doanh và hoạt động trên địa bàn tỉnh Kiên Giang – Không thuộc vùng kinh tế trọng điểm của quốc gia, nên nhà đầu tư chưa có nhiều thông tin cũng như nắm rõ được khả năng phát triển tiềm năng của Công ty. Vì vậy, quyết định chào bán cổ phần ra công chúng của Công ty vào lúc này có thể sẽ gặp một số khó khăn và bất lợi nhất định.

4.5 Rủi ro khác

Bên cạnh những rủi ro hệ thống và rủi ro mang tính đặc thù trong hoạt động kinh doanh của Công ty, Công ty TNHH Một thành viên Du lịch Thương mại Kiên Giang cũng như các đơn vị kinh tế khác sẽ chịu ảnh hưởng và tổn thất về tài sản, con người và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh khi xảy ra các rủi ro bất khả kháng như: rủi ro thiên tai, hoả hoạn, chiến tranh, rủi ro biến động chính trị, xã hội...



PHẦN IV: THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Phương thức bán và thanh toán tiền mua cổ phần

Theo phương án cổ phần hóa đã được phê duyệt, đối tượng chào bán và phương thức bán được tóm tắt như bảng sau:

Stt	Cổ đông	Số lượng Cổ phần	Giá trị cổ phần (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Nhà nước	17.872.178	178.721.780.000	49,00%
2	CBCNV mua ưu đãi	569.900	5.699.000.000	1,56%
2.1	Mua theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước	340.700	3.407.000.000	0,93%
2.2	Mua theo đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần	229.200	2.292.000.000	0,63%
3	Công đoàn Công ty	60.000	600.000.000	0,17%
4	Nhà đầu tư chiến lược	12.765.842	127.658.420.000	35,00%
5	Nhà đầu tư bên ngoài mua cổ phần thông qua đấu giá	5.205.913	52.059.130.000	14,27%
	Tổng cộng	36.473.833	364.738.330.000	100%

Nguồn: Phương án CPH của KTC

1.1 Đối với người lao động:

a. Số lượng và giá bán:

o Cổ phần CBCNV mua theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc:

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần thì giá bán cổ phần cho người lao động trong trường hợp này là “Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa được mua tối đa 100 cổ phần cho mỗi năm thực tế làm việc tại khu vực nhà nước với giá bán bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất (trường hợp đấu giá công khai trước) hoặc bằng 60% giá bán thành công thấp nhất cho các nhà đầu tư chiến lược (đối với trường hợp bán cho nhà đầu tư chiến lược trước)”. Cụ thể:

• Tổng số CBCNV có tên trong danh sách lao động Công ty ngày 16/12/2016 (thời điểm UBND tỉnh Kiên Giang công bố giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Du lịch Thương mại Kiên Giang để cổ phần hóa) là 448 người.

• Tổng số CBCNV được mua cổ phần theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước là 448 người.



- ✦ Tổng số năm công tác toàn bộ CBCNV được mua cổ phần theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước: 3.407 năm.
 - ✦ Tổng số cổ phần CBCNV được mua theo hình thức này là: 340.700 cổ phần với tổng mệnh giá là: 3.407.000.000 đồng, chiếm 0,93% vốn điều lệ công ty cổ phần. Công ty có 448 CBCNV đăng ký mua theo quy định của hình thức này với tổng số cổ phần là 340.700 cổ phần, tương ứng với tổng mệnh giá là 3.407.000.000 đồng, chiếm 0,93% vốn điều lệ Công ty cổ phần.
 - ✦ Thời gian thực hiện bán cổ phần cho CBCNV: Việc triển khai bán cổ phần cho CBCNV sẽ thực hiện sau khi tổ chức bán đấu giá công khai ra công chúng.
 - ✦ Giá bán: bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất của cuộc đấu giá công khai.
- **Cổ phần CBCNV mua theo đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại công ty cổ phần:**

Theo quy định tại Khoản 2c Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần thì giá bán cổ phần cho người lao động trong trường hợp này là “*Giá bán cổ phần ưu đãi cho người lao động mua thêm quy định tại điểm b khoản 2 Điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ, được xác định là giá đấu thành công thấp nhất (trường hợp đấu giá công khai trước) hoặc bằng giá bán thành công thấp nhất cho các nhà đầu tư chiến lược (đối với trường hợp bán cho nhà đầu tư chiến lược trước)*”.

Theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 thì người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp, thuộc đối tượng doanh nghiệp cần sử dụng và có cam kết làm việc lâu dài cho doanh nghiệp trong thời hạn ít nhất 03 năm thì được mua thêm cổ phần ưu đãi theo quy định sau: “*Mua thêm theo mức 200 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong doanh nghiệp nhưng tối đa không quá 2.000 cổ phần cho một người lao động*”.

“*Riêng người lao động là các chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao làm việc tại doanh nghiệp được mua thêm theo mức 500 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong doanh nghiệp nhưng tối đa không quá 5.000 cổ phần cho một người lao động*”.

Theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 thì giá bán cổ phần cho người lao động trong trường hợp này là “*Giá bán cổ phần ưu đãi cho người lao động mua thêm theo cam kết làm việc lâu dài tại doanh nghiệp được xác định là giá đấu thành công thấp nhất (trường hợp đấu giá công khai trước)*”



hoặc bằng giá bán thành công thấp nhất cho các nhà đầu tư chiến lược (đối với trường hợp bán cho nhà đầu tư chiến lược trước). Mỗi một người lao động chỉ được hưởng quyền mua thêm cổ phần ưu đãi theo một mức xác định tại điểm a khoản 2 Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP.”

Tiêu chí xác định người lao động là chuyên gia giỏi, có trình độ nghiệp vụ cao bao gồm:

- ✦ Là thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Kiểm soát viên, Kế toán trưởng của Công ty;
- ✦ Cán bộ có kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý, đã có thời gian đảm nhiệm vị trí tối thiểu 03 năm, có kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh của Công ty;
- ✦ Cán bộ - Công nhân viên có trình độ Đại học trở lên, thời gian công tác tại Công ty tối thiểu là 05 năm và hoàn thành tốt nhiệm vụ 05 năm liên tục.

Công ty có 144 CBCNV đăng ký mua theo quy định của hình thức này với tổng số cổ phần là 229.200 cổ phần, tương ứng tổng mệnh giá là 2.292.000.000 đồng chiếm 0,63% vốn điều lệ công ty cổ phần. Trường hợp chấm dứt hợp đồng lao động trước hạn đã cam kết thì phải bán lại cho công ty cổ phần toàn bộ cổ phần đã mua thêm với mức giá giao dịch trên thị trường nhưng không vượt quá giá đã mua tại thời điểm cổ phần hóa.

- ✦ Thời gian thực hiện bán cổ phần cho CBCNV: Việc triển khai bán cổ phần cho CBCNV sẽ thực hiện sau khi tổ chức bán đấu giá công khai ra công chúng.
- ✦ Giá bán: bằng giá đấu thành công thấp nhất của cuộc đấu giá công khai.

b. Phương thức thanh toán:

- Người lao động đăng ký mua tại Công ty TNHH MTV Du lịch Thương mại Kiên Giang và nộp tiền trực tiếp vào tài khoản phong tỏa của Công ty TNHH MTV Du lịch Thương mại Kiên Giang.
- Thời điểm đăng ký mua dự kiến: tháng 03/2017.
- Thông tin tài khoản phong tỏa:

Tên tài khoản: CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG

Số tài khoản: 009.1000.631.809

Tại Ngân hàng: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương, Chi nhánh Kiên Giang

- Thời hạn thanh toán: trong vòng 10 ngày kể từ ngày đăng ký mua.



1.2 Cổ phần bán cho tổ chức công đoàn

- Tổ chức Công đoàn Công ty TNHH MTV Du lịch Thương mại Kiên Giang đăng ký mua **60.000 cổ phần**; tương đương 600.000.000 đồng tính theo mệnh giá cổ phần.
- Giá bán: Bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất.

1.3 Đối với nhà đầu tư chiến lược: không có

Tổng số cổ phần dự kiến bán cho nhà đầu tư chiến lược là **12.765.842 cổ phần**, tương ứng **127.658.420.000 đồng** theo mệnh giá, chiếm **35% vốn điều lệ** của công ty cổ phần.

▪ Tiêu chí cổ đông chiến lược:

Theo quy định tại điểm a Khoản 3 Điều 6 Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần thì *“Nhà đầu tư chiến lược là các nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài có năng lực tài chính và có cam kết bằng văn bản của người có thẩm quyền trong việc gắn bó lợi ích lâu dài với doanh nghiệp và hỗ trợ doanh nghiệp sau cổ phần hóa về: chuyển giao công nghệ mới, đào tạo nguồn nhân lực; nâng cao năng lực tài chính; quản trị doanh nghiệp; cung ứng nguyên vật liệu; phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm”*. Dựa trên quy định này, UBND tỉnh Kiên Giang đã ra Quyết định số 2177/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2016 về việc phê duyệt tiêu chí, trình tự lựa chọn, phương thức bán cổ phần lần đầu cho nhà đầu tư chiến lược tham gia cổ phần hoá Công ty TNHH MTV Du lịch Thương mại Kiên Giang. Các tiêu chí để lựa chọn nhà đầu tư chiến lược thỏa mãn các tiêu chí sau:

- Nhà đầu tư chiến lược là các nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài.
- Có năng lực tài chính (thể hiện qua báo cáo tài chính có xác nhận của cơ quan kiểm toán hai năm gần nhất).
- Có cam kết bằng văn bản của người có thẩm quyền về việc gắn bó lợi ích lâu dài với doanh nghiệp và hỗ trợ doanh nghiệp sau cổ phần hoá về: Đào tạo nguồn nhân lực; nâng cao năng lực tài chính; quản trị doanh nghiệp; cung ứng nguyên vật liệu; phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm.
- Có cam kết bằng văn bản sử dụng lao động theo Phương án cổ phần hoá được UBND tỉnh Kiên Giang phê duyệt tối thiểu 05 năm, bảo đảm tính ổn định việc làm và thu nhập cho người lao động.
- Số lượng nhà đầu tư chiến lược mua cổ phần của Công ty TNHH MTV Du lịch - Thương mại Kiên Giang tối đa là 03 nhà đầu tư.



- Nhà đầu tư chiến lược phải có cam kết bằng văn bản không được chuyển nhượng số cổ phần mua trong thời hạn tối thiểu 05 năm kể từ ngày công ty cổ phần được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu hoạt động theo Luật doanh nghiệp. Trường hợp đặc biệt cần chuyển nhượng số cổ phần này trước thời hạn trên thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận. Sau thời hạn 05 năm nhà đầu tư chiến lược được phép chuyển nhượng cổ phần theo quy định – ưu tiên quyền mua cho cổ đông hiện hữu.
- Trường hợp nhà đầu tư chiến lược không thực hiện đúng cam kết, vi phạm hạn chế chuyển nhượng theo quy định thì phải bồi thường mọi tổn thất xảy ra theo đúng hợp đồng cam kết và quy định của pháp luật hiện hành.
- Nhà đầu tư chiến lược phải đặt cọc ngay 10% giá trị cổ phần đăng ký mua theo giá khởi điểm đã được UBND tỉnh Kiên Giang phê duyệt ngay khi nộp hồ sơ đăng ký. Trường hợp từ bỏ quyền mua, nhà đầu tư chiến lược không được nhận lại tiền đặt cọc
- Các nội dung khác thực hiện theo quy định hiện hành.

▪ **Giá cổ phần chào bán cho đối tác chiến lược:**

Theo quy định tại Khoản 3, Điều 6, Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ thì: “Giá bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với trường hợp bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược sau khi đấu giá công khai thì giá bán do Ban Chỉ đạo cổ phần hóa thỏa thuận trực tiếp với các nhà đầu tư chiến lược nhưng không thấp hơn giá đấu thành công thấp nhất của cuộc đấu giá công khai.
- Đối với trường hợp thỏa thuận trực tiếp hoặc đấu giá giữa các nhà đầu tư chiến lược có đủ tiêu chuẩn và đã thực hiện đăng ký mua trước khi thực hiện đấu giá công khai là giá thỏa thuận giữa các bên (trường hợp thỏa thuận) hoặc là giá đấu thành công (đối với trường hợp đấu giá) nhưng không thấp hơn giá khởi điểm đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định phương án cổ phần hóa phê duyệt.”

Giá bán do Ban Chỉ đạo cổ phần hóa thỏa thuận trực tiếp hoặc tổ chức đấu giá giữa các nhà đầu tư chiến lược theo quy định pháp luật hiện hành.

Nhà đầu tư chiến lược sẽ tiến hành nộp tiền đặt cọc vào tài khoản phong tỏa của Công ty. Số tiền nhà đầu tư chiến lược phải đặt cọc tương ứng với 10% giá trị cổ phần đăng ký mua theo giá khởi điểm đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (trong trường hợp bán cho nhà đầu tư chiến lược trước khi bán đấu giá ra công chúng) hoặc 10% giá đấu thành công thấp nhất (trong trường hợp bán cổ phần ra công chúng trước). Trường hợp từ bỏ quyền mua, nhà đầu tư chiến lược không được nhận lại tiền cọc.



▪ **Quy định về hạn chế chuyển nhượng:**

Theo quy định tại Tiết c, Khoản 3, Điều 6, Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ thì: “Nhà đầu tư chiến lược không được chuyển nhượng số cổ phần mua trong thời hạn tối thiểu 05 năm, kể từ ngày công ty cổ phần được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu hoạt động theo Luật Doanh nghiệp. Trường hợp đặc biệt cần chuyển nhượng số cổ phần này trước thời hạn trên thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận”.

1.4 Đối với nhà đầu tư tham dự đấu giá:

a. Số lượng và giá bán:

- Số lượng bán cho nhà đầu tư tham gia đấu giá là 5.205.913 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 14,27% vốn điều lệ.
- Giá bán khởi điểm: 10.200 đồng.
- Đối tượng: Các nhà đầu tư cá nhân, nhà đầu tư tổ chức trong nước theo quy định của pháp luật.

b. Phương thức thanh toán:

Theo quy định tại Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu do Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh ban hành.

2. Kế hoạch sử dụng tiền thu từ cổ phần hoá

Tổng số tiền thu được từ cổ phần hoá doanh nghiệp sẽ được quản lý và sử dụng theo quy định của pháp luật về cổ phần hóa. Việc tính toán số tiền này dựa trên các giá định:

- Giá bán cổ phiếu bằng giá khởi điểm đấu giá theo đề xuất (10.200 đồng/cổ phần);
- Giá đấu thành công thấp nhất bằng giá khởi điểm;
- Số lượng cổ phần chào bán được bán hết.

Stt	Khoản mục	ĐVT	Diễn giải	Giá trị
1	Vốn Nhà nước thực tế tại doanh nghiệp sau khi đánh giá lại	Đồng	Quyết định phê duyệt GTDN	364.738.338.985
2	Cơ cấu vốn điều lệ công ty cổ phần	Đồng	Dự kiến	364.738.330.000
a	Nhà nước	Đồng	Ban chỉ đạo đề xuất	178.721.780.000
b	Cổ đông khác	Đồng	= mục 2 - 2a	186.016.550.000
3	Vốn Nhà nước bán ra bên ngoài tính theo mệnh giá	Đồng	= (mục 1 - 2a)	186.016.558.985
4	Tổng số cổ phần phát hành	CP	= mục 2b/mệnh giá	18.601.655



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Stt	Khoản mục	ĐVT	Diễn giải	Giá trị
a	Bán ưu đãi cho người lao động theo năm làm việc trong khu vực nhà nước	CP	danh sách kèm theo	340.700
b	Bán ưu đãi cho người lao động theo cam kết làm việc lâu dài tại doanh nghiệp	CP	danh sách kèm theo	229.200
c	Bán cổ phần cho tổ chức công đoàn	CP		60.000
d	Bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược	CP		12.765.842
e	Bán đấu giá công khai	CP	= mục 4 - 4a - 4b - 4c - 4d	5.205.913
5	Dự kiến giá bán	đồng/CP		
a	Giá khởi điểm bán đấu giá công khai	đồng/CP		10.200
b	Giá bán cổ phần ưu đãi cho NLD theo năm làm việc trong khu vực nhà nước	đồng/CP	= mục 5a * 60%	6.120
c	Giá bán cổ phần ưu đãi cho NLD theo cam kết làm việc lâu dài	đồng/CP	= mục 5a	10.200
d	Giá bán cho tổ chức công đoàn	đồng/CP	= mục 5a * 60%	6.120
e	Giá bán cho nhà đầu tư chiến lược	đồng/CP	= mục 5a	10.200
6	Số tiền thu từ phát hành cổ phần	Đồng		188.102.025.000
a	Bán cho NLD theo năm làm việc trong khu vực nhà nước	Đồng	= mục 4a*5b	2.085.084.000
b	Bán cho NLD theo cam kết làm việc lâu dài	Đồng	= mục 4b*5c	2.337.840.000
c	Bán cho tổ chức công đoàn	Đồng	= mục 4c*5d	367.200.000
d	Bán cho nhà đầu tư chiến lược	Đồng	= mục 4d*5e	130.211.588.400
e	Bán đấu giá công khai	Đồng	= mục 4e*5a	53.100.312.600
7	Số tiền thu từ bán vốn nhà nước còn lại	Đồng	Mục 6 - (mục 2 - mục 1)	188.102.033.985
8	Chi phí cổ phần hóa dự kiến	Đồng	theo dự toán	500.000.000
9	Chi phí giải quyết chế độ người lao động	Đồng	theo phương án	715.699.779
10	Số tiền dự kiến nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển Doanh nghiệp	Đồng	= mục 6 - (mục 2 - mục 1) - mục 8 - mục 9	186.886.334.206

Nguồn: Phương án CPH của KTC

Số tiền hoàn vốn ngân sách (chuyên về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp) và việc sử dụng số tiền thu được từ bán cổ phần sẽ được tính toán lại dựa trên kết quả bán cổ phần và các chi phí phát sinh trên thực tế của Công ty và được xử lý theo hướng dẫn tại Điều 11 Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 và Điều 42 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011.

3. Kết luận



Bản công bố thông tin được cung cấp nhằm mục đích giúp nhà đầu tư có thể đánh giá về tài sản, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng kinh doanh của Công ty TNHH MTV Du lịch Thương mại Kiên Giang trước khi đăng ký mua cổ phần.

Bản công bố thông tin được lập trên cơ sở các thông tin và số liệu đã được kiểm toán (hoặc soát xét) do Công ty cung cấp và được Ban chỉ đạo cổ phần hóa thông qua, đảm bảo tính công khai, minh bạch và bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư.

Chúng tôi khuyến cáo các nhà đầu tư nên tham khảo Bản công bố thông tin này trước khi quyết định tham gia đầu tư.

Trân trọng./



Kiên Giang, ngày.. ... tháng 02 năm 2017

**BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA
CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG
TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA**

NGUYỄN THANH TUNG



**ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA
CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG
TỔNG GIÁM ĐỐC**

PHẠM VĂN HOÀNG

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT
PHÓ GIÁM ĐỐC**



NGUYỄN VĂN KHÁNH

